

ĐÁNH GIÁ ĐÚNG VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ TRONG VIỆC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

ĐÀO THỊ THU THỦY

Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước, Bộ KH&CN

Luật Khoa học và công nghệ (KH&CN) năm 2000 cũng như Luật KH&CN sửa đổi năm 2013 đều đã quy định: nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) được giao theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét tài trợ từ quỹ. Cho dù cơ chế giao nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức nào thì hai chủ thể “tổ chức” và “cá nhân” luôn đi kèm với nhau. Cộng đồng khoa học có thể đã quen cụm từ “tổ chức và cá nhân chủ trì” khi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN mà ít ai chú ý đến lý do vì sao 2 chủ thể đó cần phải song hành. Các nhà quản lý KH&CN đôi khi chưa đưa ra được tiêu chí để đánh giá đúng vai trò của từng chủ thể (tổ chức hay cá nhân quan trọng hơn?) đối với từng loại nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong điều kiện hiện nay. Vì vậy, việc giao nhiệm vụ đôi khi chưa đúng địa chỉ.

Hậu quả của việc giao không đúng địa chỉ các nhiệm vụ KH&CN là có không ít nhiệm vụ phải dừng thực hiện do năng lực yếu của cá nhân. Một số khác tuy có hoàn thành nhưng kết quả không thể ứng dụng được do năng lực hạn chế của tổ chức chủ trì. Cả hai trường hợp đều gây lãng phí cho NSNN. Bài viết này cung cấp thêm một vài ý kiến và đề xuất để các nhà quản lý tham khảo trong quá trình xây dựng tiêu chí lựa chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN.

Thông thường, khái niệm “cá nhân chủ trì” trong Luật KH&CN được hiểu là những nhà khoa học, kỹ sư hoặc chuyên gia trong lĩnh vực khoa học được giao chủ trì triển khai nhiệm vụ KH&CN. Cơ quan chủ trì là cơ sở nghiên cứu có thể là viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và kinh doanh có đủ điều kiện tiến hành các hoạt động nghiên cứu. Nghiên cứu khoa học bao gồm 3 dạng: nghiên cứu cơ bản (NCCB), nghiên cứu ứng dụng (NCUD) và nghiên cứu triển khai (NCTK).

Thông lệ quốc tế

Một trong những đặc tính quan trọng của NCKH là “tính cá nhân” [1]. Dù là một công trình NCKH do một tập thể thực hiện thì vai trò cá nhân trong sáng tạo cũng mang tính quyết định. Nhà khoa học, nhà nghiên cứu là người đề xuất ý tưởng, phát triển ý tưởng và tổ chức thực hiện những ý tưởng đó để biến nó thành

những tri thức hoặc sản phẩm trí tuệ cho xã hội. Các cơ sở nghiên cứu là nơi tạo điều kiện để các nhà nghiên cứu thực hiện các ý tưởng của mình.

Xét trong lĩnh vực NCCB và NCUD, so với cơ sở nghiên cứu thì *vai trò của nhà nghiên cứu có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của công trình khoa học*. Thực tế thấy rằng: nhiều người chỉ biết đến nữ bác học Marie Curie với hai lần đoạt Giải thưởng Nobel mà không nhớ rằng, Đại học Sorbonne (Pháp) là nơi bà thực hiện các nghiên cứu của mình. Người ta chỉ nhớ Albert Einstein với Thuyết tương đối và Giải thưởng Nobel Hóa học mà ít ai để ý rằng, Đại học Zurich (Thụy Sĩ) hay Đại học Humboldt (Đức) đã giúp ông có được những phát minh vĩ đại như vậy... Nói như vậy hoàn toàn không có nghĩa rằng, các cơ sở nghiên cứu không quan trọng trong việc tạo ra các kết quả của các nhà khoa học. Thiếu các cơ sở nghiên cứu thì các nhà khoa học cũng khó mà thành công. Tuy nhiên, việc tạo ra được một cơ sở nghiên cứu đầy đủ, hiện đại để

hơn nhiều so với việc đào tạo và tìm kiếm được những tài năng khoa học. Từ nhiều năm trước, các nước tư bản phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ đã đầu tư nhiều cơ sở nghiên cứu hiện đại, có chính sách cởi mở để thu hút các nhà khoa học hàng đầu thế giới đến làm việc. Ngày nay, một số quốc gia mới nổi như: Hàn Quốc, Nhật Bản và cả Trung Quốc, với mục tiêu đầu tư tri thức đã không tiếc tiền bạc xây dựng khu nghiên cứu hiện đại với đủ tiện nghi kèm theo những chính sách “trả thảm đỏ” để mời gọi các nhà khoa học tài năng đến cùng làm việc.

Trong NCTK, vai trò của nhà khoa học không hoàn toàn giống như trong NCCB và NCƯD. Người ta đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc của một số công ty hàng đầu thế giới như Microsoft, IBM, Apple, Samsung... nhưng ít nghe thấy tên tuổi cụ thể của một nhà khoa học nào gắn với các sản phẩm của các công ty đó. Chúng ta đều biết rằng, một trong những lý do làm nên thành công của các công ty đó là yếu tố công nghệ và hoạt động nghiên cứu. Hàng năm, các công ty này đã dành nguồn kinh phí “khủng” cho nghiên cứu. Ví dụ, trong năm 2013, Microsoft dành 10,411 tỷ USD, IBM chi 6,23 tỷ USD và Samsung dành 10,4 tỷ USD cho hoạt động NCTK [2]. Samsung có 50 nghìn nhà khoa học và kỹ sư làm việc trong 42 cơ sở nghiên cứu. IBM có hàng nghìn nhà khoa học trong đó có nhiều người đã đoạt Giải Nobel (5 người) và Giải Turing (6 người) [3] làm việc trong 12 trung tâm nghiên cứu. Microsoft cũng có tới trên 1 nghìn nhà khoa học, kỹ sư (nhiều người trong số họ cũng đã đoạt Giải Field [4] và Giải Turing). Số liệu này cho thấy rằng, các nhà khoa học, nhà công nghệ cũng như các kỹ sư đã góp phần không thể thiếu cho sự phát triển của các công ty này. Tuy nhiên, vai trò quyết định sự thành công ở đây không phải là các nhà khoa học hoặc nhà công nghệ mà lại là những nhà tổ chức, quản lý. Các nhà quản lý đã hoạch định đúng chiến lược sản xuất, kinh doanh, có chính sách đúng đắn trong việc tập hợp được đội ngũ các nhà khoa học, nhà công nghệ và kỹ sư giỏi để phát triển sản phẩm trên nền tảng của KH&CN. Vì vậy, có thể thấy rằng, *đối với NCTK, vai trò của tổ chức chủ trì quan trọng hơn vai trò của cá nhân.*

Tại các nước tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ..., NSNN chủ yếu tài trợ cho NCCB và NCƯD. Đối với NCTK chủ yếu do các doanh nghiệp tự thực hiện. Nhà nước chỉ tài trợ cho các nghiên cứu nhằm phát triển sản phẩm mang tính chiến lược hoặc sản phẩm dùng cho quốc phòng. Đối với NCCB và NCƯD, khi lựa chọn các ứng cử viên để giao nhiệm vụ, ý tưởng, năng lực chuyên môn và uy tín của các nhà khoa học luôn được đặt ưu tiên hơn so với tổ chức khoa học dự kiến

chủ trì. Trong một số trường hợp, tổ chức khoa học chủ trì thậm chí không được tính đến. Ví dụ: Chương trình FIRST [5] do Cơ quan Phát triển khoa học Nhật Bản (JSPS) tài trợ còn cho phép nhà khoa học sau khi được giao đề tài tự lựa chọn tổ chức chủ trì. Đối với NCTK, việc đánh giá để giao nhiệm vụ KH&CN chủ yếu dựa trên năng lực của tổ chức hoặc doanh nghiệp. Năng lực và uy tín của các nhà khoa học cũng được xem xét nhưng dưới góc độ là vai trò quản lý và mối liên kết của họ với các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp trong việc giải quyết những vấn đề KH&CN đặt ra. Với cách phân biệt và đánh giá như vậy, dường như việc giao nhiệm vụ KH&CN đều không sai địa chỉ. Do đó, NSNN của các quốc gia này được sử dụng có hiệu quả hơn.

Đặc thù của Việt Nam

Trong khoảng 10 năm trở về trước, do đặc thù của nền kinh tế, các cơ sở nghiên cứu, kể cả các doanh nghiệp có năng lực làm nghiên cứu đều thuộc sở hữu nhà nước. Các nhà khoa học, các kỹ sư đều được “biên chế” và làm việc theo sự quản lý của các tổ chức và doanh nghiệp này. Với cách tổ chức và quản lý như vậy, vai trò của các tổ chức, doanh nghiệp trở nên quan trọng hơn rất nhiều so với vai trò của cá nhân trong mọi hoạt động nói chung, trong đó có hoạt động KH&CN. Có lẽ đây cũng là một trong những lý do mà Luật KH&CN năm 2000 đã đặt cả 2 chủ thể “tổ chức” và “cá nhân” chủ trì trong các quy định khi giao nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN.

Trong khoảng 5 năm trở lại đây, một số cơ sở nghiên cứu đã được cổ phần hóa, một số doanh nghiệp có khả năng nghiên cứu không còn thuộc hình thức sở hữu nhà nước. Quan hệ giữa các nhà khoa học, các kỹ sư trong các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp được “mềm” hóa bằng các hợp đồng lao động. Các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp không hoàn toàn có vai trò chi phối hoạt động của các nhà khoa học và các kỹ sư. Tuy nhiên, việc chuyển nơi làm việc của các nhà khoa học từ tổ chức này đến tổ chức khác cũng chưa hẳn đã dễ dàng. Trang thiết bị nghiên cứu vẫn thuộc quản lý của tổ chức nghiên cứu. Cơ chế thuê hoặc cho thuê chưa được thông thoáng. Việc nhà khoa học tự chủ trì việc nghiên cứu thật không dễ. Nếu xét ở góc độ quản lý tài chính thì việc cá nhân các nhà khoa học tự chủ trì thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu có sử dụng NSNN không thật khả thi. Cho đến nay, hệ thống kiểm soát tài chính của chúng ta chưa đồng bộ; hình thức mua bán, chi tiêu chủ yếu vẫn sử dụng tiền mặt. Do đó, Luật Ngân sách vẫn quy định rất chặt chẽ việc quản lý chi tiêu nguồn kinh phí do Nhà nước cấp, chưa cho phép cá nhân được trực tiếp sử dụng mà vẫn cần phải thông qua tổ chức để giám sát. Trong NCCB và NCƯD

(đặc biệt là NCCB), cho dù vai trò của nhà khoa học có tính chất quyết định nhưng họ khó có thể tự tổ chức được các nghiên cứu của mình. Có lẽ chính vì những lý do đó mà Luật KH&CN năm 2013 vẫn quy định việc giao nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cho cả 2 chủ thể “tổ chức” và “cá nhân” chủ trì.

Luật KH&CN chỉ quy định chung cho cả 2 chủ thể. Nhưng trong quá trình xem xét để giao nhiệm vụ KH&CN rất cần đánh giá vai trò của từng chủ thể đối với từng dạng nhiệm vụ nghiên cứu để có thể giao đúng địa chỉ. Rất tiếc, trong cả 2 giai đoạn kế hoạch 5 năm vừa qua, các nhà quản lý khoa học chưa làm tốt điều này. Từ năm 2001, Bộ KH&CN đã tiến hành sửa đổi nhiều lần các quy định (còn gọi là các quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN) về việc đánh giá hồ sơ đề xuất (còn gọi là hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp) để giao nhiệm vụ. Tuy nhiên, trong các quy định này chưa có sự phân biệt nhiệm vụ NCUD với nhiệm vụ NCTK mà vẫn được gọi chung là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Vì vậy mà vai trò của nhà khoa học chưa được xem là có tính chất quyết định đối với nhiệm vụ NCUD. Cũng chính vì vậy mà tính sáng tạo và tính độc đáo của những vấn đề mà các cá nhân đề xuất chưa được đặc biệt coi trọng. Với các quy định này, đối với nhiệm vụ NCTK, vai trò của tổ chức chủ trì (nơi cần nhiều vốn, trang thiết bị máy móc, phương tiện...) để phát triển sản phẩm đôi khi bị đánh giá thấp hơn vai trò của một nhà khoa học - người chỉ thực hiện một khâu nào đó trong chuỗi tích hợp công nghệ. Hiện nay, nguồn kinh phí của NSNN dành cho NCTK thường nhiều hơn cho NCCB và NCUD. Như vậy, có thể có đến quá nửa số đề tài/dự án khi giao nhiệm vụ đã chưa đánh giá đúng được vai trò của cá nhân hoặc tổ chức chủ trì. Một trong những bất cập nữa của các quy định này là: các tiêu chí đánh giá về năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì cũng chưa có cơ sở rõ ràng. Trong giai đoạn 2001-2005, năng lực của cá nhân và tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ được đánh giá ngang nhau và chỉ chiếm 20-25% mức thang điểm cho cả hồ sơ. Đến giai đoạn 2006-2010 năng lực này chiếm có 14% và chỉ là điểm khuyến khích. Đến giai đoạn 2011-2015, mức thang điểm này lại là 20%. Với cách đánh giá như vậy có không ít nhiệm vụ đã bị giao nhầm địa chỉ. Theo thống kê thì giai đoạn 2006-2010 đã có tới trên 10% nhiệm vụ dừng không tiếp tục được do năng lực của cá nhân chủ trì không đáp ứng được yêu cầu. Nhiều kết quả không thể triển khai vào sản xuất do năng lực yếu kém của cơ quan chủ trì.

Một vài đề xuất

Trong bối cảnh của nền kinh tế và đặc thù điều kiện Việt Nam, các nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN khi triển khai vẫn phải dựa vào hai chủ thể “tổ chức và cá nhân chủ trì”. Tuy nhiên, tùy theo từng loại nhiệm vụ nghiên cứu mà vai trò của chủ thể này có thể quan trọng hơn chủ thể kia. Để có thể lựa chọn chính xác tổ chức và cá nhân chủ trì, giao nhiệm vụ KH&CN thì trong các quy định về tuyển chọn, xét giao trực tiếp hiện nay cần phân loại rõ các nhiệm vụ NCUD và NCTK. Trên cơ sở việc phân định đó, phần đánh giá năng lực của tổ chức và cá nhân có thể sử dụng trọng số tùy theo loại hình nhiệm vụ. Việc đặt các trọng số như thế nào cho hợp lý cũng cần những nghiên cứu cụ thể của các nhà quản lý để đảm bảo không mang tính cảm tính và tùy tiện. Đánh giá đúng vai trò của tổ chức và cá nhân để giao nhiệm vụ KH&CN không chỉ tiết kiệm cho NSNN, mang lại hiệu quả cho hoạt động KH&CN mà còn có tác dụng động viên rất lớn đối với các nhà khoa học về tính minh bạch và tính công bằng trong nghiên cứu khoa học. Việc điều chỉnh các quy định về tuyển chọn, xét giao trực tiếp theo tinh thần đổi mới của Luật KH&CN 2013 có thể khắc phục được các bất cập của công tác này trong thời gian qua ✍

Tài liệu tham khảo

[1] Vũ Cao Đàm, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 1995.

[2] <http://Statista.com>; <http://Samsung.com>; <http://IBM.com>; <http://microsoft.com>.

[3] En.m.wikipedia.or: Giải thưởng Turing (Turing Award) là giải thưởng mang tên nhà toán học người Anh Alan Turing - được mệnh danh là “cha đẻ” của khoa học tính toán và trí tuệ nhân tạo, do Hiệp hội máy điện toán (Association for Computing Machinery - ACM) trao tặng. Giải thưởng được trao từ năm 1966 (2 năm một lần), và được coi như Giải Nobel trong lĩnh vực khoa học tính toán. Giá trị giải thưởng năm 2014 lên tới 1 triệu USD.

[4] En.m.wikipedia.or: Giải Field (Field Medal) là giải thưởng mang tên nhà toán học John Field (người Canada). Giải thưởng này được trao từ năm 1936 (4 năm một lần) cho các nhà khoa học trẻ (dưới 40 tuổi) có những đóng góp đột phá cho ngành toán học và được coi như Giải Nobel trong lĩnh vực toán học.

[5] JSPS.go.jp/english/index.html: Chương trình FIRST (Funding Program for World - Leading Innovative R&D on Science and technology) do JSPS tài trợ với mục tiêu khai thác khả năng và thế mạnh của các nhà khoa học Nhật Bản để chuyển hóa các kết quả nghiên cứu phục vụ đời sống xã hội, đồng thời thúc đẩy từ nghiên cứu cơ bản đến ứng dụng tương lai trong nhiều lĩnh vực. Chương trình được bắt đầu từ năm 2009. Hiện có 30 dự án đang thực hiện với nguồn kinh phí khoảng 100 tỷ yên.